

Số: 1532/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” năm 2017

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-NHNN ngày 12/8/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập Ban Quản lý Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Hiệp định tài trợ số 4505-VN ký ngày 21/04/2009 giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế;

Căn cứ Thư sửa đổi Hiệp định tài trợ Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” ngày 26/12/2014; và Thư gia hạn thời gian kết thúc Dự án ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/3/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Dự án đầu tư “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”;

Căn cứ Quyết định số 1530../QĐ-NHNN ngày 20/7/2017 về việc sửa đổi Quyết định số 600/QĐ-NHNN ngày 24/3/2010;

Căn cứ Quyết định số 1531./QĐ-NHNN ngày 20/7/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” trung hạn 5 năm (2016 - 2020);

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng” năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư FSMIMS, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Trưởng Ban Triển khai dự án Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BLĐ NHNN;
- Các Vụ, Cục thuộc NHNN;
- Lưu VP, Ban FSMIMS

KT. THÔNG ĐỐC

PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Kim Anh

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN FSMIMS NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-NHNN ngày 22/7/2017)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

- | | |
|--------------------------------------|--|
| 1. Tên Dự án (tiếng Việt): | Hệ thống thông tin quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng |
| 2. Tên Dự án (tiếng Anh): | Financial sector modernization and Information management system |
| 3. Tên nhà tài trợ: | Ngân hàng Thế giới (WB) |
| Đồng tài trợ: | Chính phủ Nhật Bản |
| 4. Thời gian thực hiện Dự án: | bắt đầu từ ngày 21/4/2009 và kết thúc vào ngày 31/12/2017 |

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Mục tiêu dự án là hỗ trợ NHNN, Trung tâm Thông tin tín dụng và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cải thiện kết quả thực hiện các chức năng chính của mình theo tiêu chuẩn quốc tế liên quan trong lĩnh vực ngân hàng, thông qua (a) xây dựng một hệ thống tập trung, tích hợp các quy trình nghiệp vụ tiên tiến và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (b) tăng cường năng lực thể chế để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.

III. CÁC KẾT QUẢ DỰ KIẾN CỦA DỰ ÁN

1. Chỉ số kết quả Dự án

Kết quả thực hiện Mục tiêu phát triển Dự án sẽ được đánh giá dựa trên các chỉ số kết quả chủ yếu như sau:

1.1. Phần 1, Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước: NHNN củng cố các chức năng chính của mình thể hiện bởi:

- i. Chức năng chính sách – tính chính xác và phù hợp của số liệu thống kê với Hướng dẫn của IMF về Thống kê tiền tệ và tài chính và phổ biến dữ liệu chung được cải thiện; NHNN nộp báo cáo tiền tệ hàng tháng cho IMF; kết quả của 02 chương trình nghiên cứu được công bố theo định kỳ;
- ii. Chức năng thanh tra giám sát – Việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của Basel (Basel Core Principles) đối với giám sát ngân hàng hữu hiệu về thanh tra giám sát từ xa được cải thiện, đặc biệt việc giám sát từ xa định kỳ về các hồ sơ rủi ro ngân hàng.

- iii. Chức năng kế toán – Việc trình bày, cách thức tổng hợp và tính kịp thời của các báo cáo tài chính của NHNN một mặt phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam (VAS) cũng như các yêu cầu quản lý của NHNN; mặt khác, phù hợp với các thông lệ và chuẩn quốc tế áp dụng đối với các ngân hàng trung ương, đặc biệt là trong việc cung cấp báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các yêu cầu theo quy định của Việt Nam.

1.2. Phần 2, Củng cố chức năng CIC: thông tin tín dụng do CIC cung cấp là toàn diện, phù hợp với các thông lệ PCR của các nước OECD, bao quát quá trình trả nợ, nợ chưa trả hay dư nợ theo người vay và theo hợp đồng.

1.3. Phần 3, Tăng cường chức năng BHTG: BHTG củng cố năng lực quản trị rủi ro thể hiện bởi độ bao quát của các báo cáo đánh giá đối với rủi ro tín dụng được cải thiện, và việc áp dụng phù hợp với khuyến nghị của Nhóm công tác quốc tế về bảo hiểm tiền gửi thuộc Diễn đàn ổn định tài chính.

2. Chỉ số đầu ra hợp phần:

Kết quả đạt được các sản phẩm đầu ra theo dự kiến của các cấu phần dự án sẽ được theo dõi và đánh giá theo các chỉ số đầu ra chính như sau:

2.1. Đối với phần A (1), B (1), C (1)^(*), NHNN, CIC và BHTG củng cố các chức năng chính thể hiện ở chất lượng nâng cao của 2-3 chương trình công tác quan trọng và sắp xếp lại quy trình nghiệp vụ chính¹ thể hiện bởi:

- i. Quy định, quy trình và chính sách hoạt động mới/sửa đổi được NHNN/CIC/BHTG triển khai;
- ii. Chương trình nghiên cứu về 2 chủ đề² và chương trình đào tạo trung hạn được NHNN triển khai.

2.2. Đối với phần A (2), B (2), C (2)^(*), NHNN, CIC và BHTG lắp đặt, quản lý và khai thác tập trung các hệ thống phần cứng, phần mềm và thiết lập nền tảng CNTT tập trung đồng bộ với các thiết kế khái niệm kiến trúc CNTT được chấp thuận thể hiện bởi:

- i. Quy trình hoạt động tự động hóa được áp dụng nhằm phát hiện sự không thống nhất hoặc lỗi trong cung cấp và lưu chuyển thông tin;
- ii. Xác nhận của bên thứ ba độc lập về việc đạt được các kết quả dự kiến trong triển khai hệ thống trước khi nghiệm thu.

¹ Chương trình công tác quan trọng và quy trình nghiệp vụ chính bao gồm: (i) Nghiệp vụ thị trường mở; (ii) dự báo và xác định mục tiêu lạm phát; (iii) quy trình nghiệp vụ kế toán tài chính mới; (iv) hệ thống tài khoản kế toán mới.

² Dự báo lạm phát ở Việt Nam và đánh giá mức độ rủi ro lây lan trong thị trường liên ngân hàng ở Việt Nam thông qua ma trận các mối quan hệ cho vay giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

(*) Ghi chú:

A: Hiện đại hóa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

B: Tăng cường năng lực Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

C: Tăng cường năng lực Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam

(1): Củng cố chức năng và cải tiến quy trình nghiệp vụ

(2): Xây dựng nền tảng Công nghệ thông tin

2.3. Đối với phần A, B, C^(*), lãnh đạo NHNN, CIC và BHTG được đào tạo về quy trình nghiệp vụ mới và các chính sách/quy trình hoạt động liên quan, công cụ báo cáo/phân tích mới và CNTT liên quan, thể hiện qua:

- i. NHNN/CIC/BHTG thông qua các kế hoạch đào tạo CNTT và nghiệp vụ toàn diện và có thời hạn;
- ii. Hoàn thành các hoạt động đào tạo đúng thời gian dự kiến.

IV. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

Nguồn vốn	Nguyên tệ SDR	Quy đổi USD
Vốn ODA	38.200.000	
IDA (Vốn vay Hiệp hội phát triển quốc tế)		60.000.000(*)
PHRD (Vốn viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Phát triển Nguồn Nhân lực của Chính phủ Nhật bản)		830.000
Vốn đối ứng (phần đóng góp của Chính phủ)	-	11.000.000

(*) Số tiền tài trợ 38.200.000 SDR quy đổi tương đương 60.000.000 USD theo tỷ giá tại thời điểm ký kết Hiệp định. Hiện nay, tỷ giá SDR/USD giảm nên số tiền được giải ngân từ tài khoản tín dụng IDA quy đổi USD giảm.

V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Nhóm hợp phần NHNN và CIC

Tính đến hết năm 2016, nhiều Hợp đồng CNTT thuộc phạm vi Dự án FSMIMS đã hoàn thành và đi vào vận hành toàn bộ hoặc từng phần. Kết quả triển khai cụ thể như sau:

✓ Hợp đồng CG1 “Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC”: Hệ thống chính thức đi vào vận hành từ tháng 03/2016. Qua đánh giá của người sử dụng, hệ thống CG1 đã đáp ứng tất cả các chỉ tiêu kết quả đề ra như: có khả năng thu thập tất cả các tiêu chí quan trọng của thông tin tín dụng vào cơ sở dữ liệu; đáp ứng các yêu cầu về độ tin cậy trong quá trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin; rút ngắn quá trình thao tác, nâng cao chất lượng dịch vụ. Cụ thể: thời gian trả lời truy vấn về tín dụng của người vay đã giảm từ 20 giây xuống dưới 10 giây; khối lượng giao dịch hàng ngày tăng từ 7.000 truy vấn lên hơn 20.000 truy vấn; thông tin tín dụng gồm các thông tin từ tổng hợp đến chi tiết theo người vay; đáp ứng đủ thông tin tín dụng cho điều hành của NHTW.

✓ Hợp đồng SG3.1 “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN”: đã hoàn thành từ tháng 12/2016. Việc hoàn thành Hợp đồng

đã giúp NHNN có được một hệ thống kế toán tập trung, tự động, đầy nhanh công tác quyết toán cuối năm của NHNN. Hiện nay, NHNN đã thực hiện xử lý và giám sát giao dịch tức thời trên toàn hệ thống và được khóa sổ theo ngày thay vì theo tháng như trước đây và hệ thống mới giúp cho dữ liệu được quản lý an toàn, nhất quán giữa các nghiệp vụ và không cho phép sửa lỗi can thiệp thủ công. Nhờ đó, Ban lãnh đạo NHNN có thông tin tài chính kịp thời, chính xác phục vụ cho quản lý tài sản của NHTW và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia.

✓ Hợp đồng SG3.2 “Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho NHNN”:

Cầu phần Quản lý văn bản đã vận hành chính thức từ tháng 7/2016 và chuyển sang giai đoạn bảo hành. Hệ thống đã giúp nâng cao hiệu quả quản lý văn bản, điều hành, lưu trữ văn bản của NHNN, giúp xây dựng kho văn bản điện tử, thiết lập môi trường làm việc tập trung, hỗ trợ cán bộ NHNN tìm kiếm văn bản, thông tin và báo cáo nhanh chóng. Đặc biệt, hệ thống đã kết nối thành công với hệ thống văn bản điện tử của Văn phòng Chính phủ; giảm thiểu việc sử dụng văn bản giấy, tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn và cước phí bưu điện, góp phần thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và xử lý công việc của NHNN.

Cầu phần Quản lý nguồn nhân lực: Đến 31/12/2017, Nhà thầu hoàn thành kiểm thử giai đoạn UAT cho các quy trình thuộc 6/9 mô đun nghiệp vụ. Trong năm 2017, Nhà thầu tiếp tục triển khai các mô đun còn lại và dự kiến đến tháng 9/2017 hoàn thành và đưa hệ thống vào vận hành. Hiện tại, Ban QLDA đang tiến hành các thủ tục gia hạn hợp đồng đến tháng 9/2017 theo kế hoạch trên.

✓ Hợp đồng SG4 “Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN: Hệ thống vận hành chính thức từ ngày 01/1/2017 theo đúng kế hoạch. Qua theo dõi vận hành của hệ thống trong 5 tháng đầu, Ban QLDA, nhà thầu và Cục CNTT nhận thấy hệ thống hoạt động ổn định, các lỗi hệ thống đã giảm dần theo thời gian; các đơn vị gửi báo cáo cơ bản đã thực hiện đúng quy định của hệ thống báo cáo mới.

✓ Hợp đồng SG1.1 “Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN”: Đã hoàn thành và nghiệm thu hợp đồng trong tháng 11/2016, sớm 1,5 tháng so với kế hoạch. Đáp ứng tốt hạ tầng dùng chung cho việc triển khai, vận hành các gói thầu SG3.1, SG3.2, SG4.

✓ Hợp đồng SG1.2 “Cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của NHNN”: được triển khai từ tháng 6/2016. Theo kế hoạch, toàn bộ hệ thống hoàn thành vào ngày 31/12/2016. Tuy nhiên, do việc di dời Trung tâm dữ liệu cũ trùng với thời điểm quyết toán năm của toàn ngành Ngân hàng nên NHNN đề nghị thực hiện việc di dời trong tháng 2/2017 để tránh gây rủi ro gián đoạn hệ thống thanh toán trong thời điểm quyết toán cuối năm và dịp Tết. Trung tâm dữ liệu mới đã vận hành từ 20/3/2017.

- Dịch vụ tư vấn: 05 hợp đồng tư vấn đã hoàn thành: ST2, ST4, ST5, ST6.1, ST7. 04 hợp đồng đang tiếp tục triển khai, trong đó 02 hợp đồng dự kiến hoàn thành trong Quý I/2017 là ST3 và ST9; riêng hợp đồng ST1 sẽ triển khai đến hết năm 2017; 01 hợp đồng dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2017 là ST3; và hợp đồng ST6.2 “Kiểm toán độc lập” có thời gian triển khai đến Quý IV/2018.

- Đào tạo, khảo sát: hoàn thành các khóa đào tạo, khảo sát trong và ngoài nước thuộc phạm vi triển khai các hợp đồng CNTT.

2. Nhóm hợp phần BHTG

Nhóm Hợp phần BHTG hoàn thành triển khai 01 Hợp đồng CNTT, 03 hợp đồng tư vấn. Cụ thể:

- Hợp đồng DG1 “Cung cấp, lắp đặt và tích hợp hệ thống CNTT và truyền thông cho quy trình nghiệp vụ tiến tiến của BHTG”: hoàn thành và vận hành chính thức hệ thống từ tháng 10/2016. Kết quả triển khai của hệ thống đã mang lại những lợi ích nhất định, cụ thể:

- i) Đối với Hệ thống quản lý báo cáo và tài liệu (DCM): chính thức đi vào vận hành từ tháng 03/2016. Hệ thống đã hỗ trợ chia sẻ thông tin giữa các phòng ban một cách nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu giấy tờ và hoạt động thủ công trong xử lý công việc.
- ii) Hệ thống Quản lý nguồn nhân lực (HR): vận hành chính thức từ tháng 04/2016 bao gồm các quy trình chấm công, tính lương, nghỉ phép, chấm thêm giờ, đánh giá các cán bộ...
- iii) Hệ thống Kế toán – Ngân sách (ERP): vận hành chính thức tháng 05/2016 đã hỗ trợ cung cấp các báo cáo kịp thời với độ chính xác cao.
- iv) Hệ thống CDIS vận hành chính thức tháng 12/2016 (thực hiện các nghiệp vụ lõi như Xử lý, giám sát rủi ro, Quản lý thông tin) hỗ trợ người sử dụng hiệu quả trong triển khai tác nghiệp hàng ngày.

- Dịch vụ tư vấn: 03 hợp đồng tư vấn đã hoàn thành bao gồm DT1, DT2, DT3; gói thầu DT4 “Tăng cường năng lực BHTG” chưa thực hiện được do BHTGVN cần xem xét lại phạm vi, nội dung và quy mô triển khai gói thầu.

3. Giải ngân năm 2016:

3.1 Nguồn vốn ODA (chi hành chính sự nghiệp):

Hợp phần		Giải ngân năm 2016		Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016	
		USD	Quy đổi triệu VNĐ	USD	Quy đổi triệu VNĐ
I	Hợp phần SBV & CIC	9.886.829,18	218.281	32.971.160,99	727.937
I.1	Dịch vụ tư vấn	911.677,02	20.128	5.367.543,50	118.505
	ST1 - Cùng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN và CIC	484.611,58		4.291.465,80	
	ST2- Nhóm chuyên gia quốc tế nhằm đảm bảo chất lượng	-		127.325,71	
	ST3- Tư vấn quản lý và điều phối các gói thầu CNTT	55.802,23		83.746,98	
	ST4 - Hỗ trợ Ban QLDA	-		88.885,58	
	ST5 - Chuyên gia tư vấn quốc tế về đấu thầu mua sắm ICT	-		20.803,84	
	ST6.1 - Kiểm toán báo cáo tài chính đợt 1	-		15.418,10	
	ST6.2 - Kiểm toán báo cáo tài chính - đợt 2	23.353,20		69.154,16	
	ST7 - Quản lý thay đổi	19.752,10		197.496,35	
	ST9 - Tư vấn thiết kế và giám sát triển khai Trung tâm dữ liệu mới cho NHNN	328.157,91		473.246,98	
I.2	Đào tạo, khảo sát	-	0	270.433,60	5.970
	Đào tạo, khảo sát SBV1	-		112.269,96	
	Đào tạo, khảo sát SBV3	-		158.163,64	
I.3	Hàng hóa	8.975.152,16	198.153	27.333.183,89	603.462
	SG1.1 -Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN	249.127,20		8.788.929,11	
	SG1.2 -Cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của NHNN	3.073.577,14		3.073.577,14	
	SG3.1 - Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN	3.007.028,04		5.565.360,70	
	SG3.2 - Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực NHNN	172.071,81		486.556,13	
	SG4- Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN	1.782.760,10		3.403.925,77	
	SG5.1 - Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	-		28.514,18	
	SG5.2 - Thiết bị văn phòng cho Ban QLDA FSMIMS	-		22.389,41	

	CG1 - Các ứng dụng quản lý dữ liệu CIC (các máy chủ chính, kho dữ liệu lõi và ứng dụng liên quan).	690.587,87		5.963.931,45	
II	Hợp phần DIV	701.110,29	15.479	6.673.893,68	147.346
II.1	Dịch vụ tư vấn	78.630,21	1.736	698.819,67	15.429
	Gói thầu DT#1	-		481.231,46	
	Gói thầu DT#2	-		138.958,00	
	Gói thầu DT#3	78.630,21		78.630,21	
	Gói thầu DT#4	-			
II.2	Hàng hóa	612.080,65	13.513	5.901.402,70	130.291
	Gói thầu DG#1	612.080,65		5.881.232,97	
	Mua sắm thiết bị văn phòng (DG2)	-		20.169,73	
II.3	Đào tạo, khảo sát	10.399,43	230	73.671,31	1.626
	Đào tạo, khảo sát	10.399,43		73.671,31	
	Tổng cộng	10.587.939,47	233.760	39.645.054,67	875.283

Tỷ giá quy đổi VNĐ là tỷ giá Bộ Tài chính công bố tháng 12/2016, 1 USD = 22.078 VNĐ.

3.2 Nguồn vốn đối ứng (NHNN bố trí trong chi phí nghiệp vụ hàng năm):

Hợp phần	Giải ngân năm 2016		Lũy kế giải ngân đến 31/12/2016	
	USD	Quy đổi triệu VNĐ	USD	Quy đổi triệu VNĐ
Hợp phần NHNN và CIC	128.977,27	2.833	2.773.212,00	61.227
1. Hàng hóa	-	-	2.042.984,39	45.105
2. Chi phí quản lý	128.977,27	2.848	730.227,61	16.122
Hợp phần BTHG	29.060,44	641	777.435,38	17.164
1. Hàng hóa	-		371.220,99	8.196
2. Chi phí quản lý	29.060,44	641	406.214,39	8.968
Tổng cộng:	158.037,71	3.489	3.550.647,38	78.391

Tỷ giá quy đổi VNĐ là tỷ giá Bộ Tài chính công bố tháng 12/2016, 1 USD = 22.078 VNĐ

VI. KẾ HOẠCH DỰ ÁN NĂM 2017

1. Khái quát chung

Trọng tâm của năm 2017 là tập trung hoàn thành các công việc còn lại của Hợp đồng SG3.2, SG1.2 và các Hợp đồng tư vấn liên quan gồm ST1, ST3 và ST9; bảo hành, tinh chỉnh và ổn định các hệ thống CNTT thuộc phạm vi Dự án; quảng bá về các kết quả của Dự án và thực hiện bàn giao các hệ thống CNTT cho đơn vị thụ hưởng – Cục Công nghệ thông tin, NHNN.

2. Kế hoạch triển khai chi tiết năm 2017

2.1. Nhóm hợp phần NHNN

2.1.1. Công tác triển khai các Hợp đồng CNTT

- Hợp đồng SG1.1 “Máy chủ, lớp giữa và cơ sở dữ liệu cho NHNN”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Bảo hành hệ thống định kỳ hoặc đột xuất (nếu có)	6/2017	Nhân lực: Nhà thầu, Cục CNTT và Ban QLDA
2.	Đào tạo bảo hành (01 khóa)	6/2017	

- Hợp đồng SG1.2 “Cung cấp, lắp đặt và di chuyển Trung tâm dữ liệu mới của NHNN”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Di chuyển Trung tâm dữ liệu	3/2017	- Nhân lực: Cục CNTT; Ban QLDA; Nhà thầu. - Vốn IDA
2.	Nghiệm thu hợp đồng	6/2017	
3.	Bảo hành hệ thống	12/2017	

- Hợp đồng SG3.1 “Ngân hàng lõi, kế toán, lập ngân sách và tích hợp hệ thống cho NHNN”

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Bảo hành hệ thống SG3.1 giai đoạn 2, tinh chỉnh hệ thống	31/12/2017	Nhân lực: Cục CNTT, Ban FSMIMS, Vụ TCKT, SGD

- Hợp đồng SG3.2 “Hệ thống quản trị văn bản và nguồn nhân lực cho NHNN”

a. Cấu phần Quản lý văn bản

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	30/9/2017	Nhân lực: Văn phòng; Cục CNTT; Ban QLDA.

b. Cấu phần Quản lý nguồn nhân lực

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Báo cáo nghiệm thu tích hợp hệ thống	6/2017	- Nhân lực: Vụ

2.	Báo cáo Nghiệm thu người sử dụng	8/2017	TCCB; Cục CNTT; Ban QLDA. - Vốn IDA
3.	Hoàn thành triển khai Hợp đồng	9/2017	

- **Hợp đồng SG4 “Quản trị cơ sở dữ liệu, kho dữ liệu và các ứng dụng liên quan cho NHNN”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu phát sinh ngoài hợp đồng theo yêu cầu của NHNN ³	31/3/2017	Nhân lực: Cục CNTT, Vụ DBTK, Vụ CSTT, Vụ TDCNKT, Vụ QLNH, Vụ Thanh toán, CQTTGSNH; Ban QLDA; Nhà thầu WINOMI.
2.	Bảo hành và tinh chỉnh hệ thống	31/12/2017	Nhân lực: Cục CNTT, Vụ DBTK, Ban QLDA; nhà thầu WINOMI

2.1.2. Công tác triển khai các hợp đồng/gói thầu Tư vấn

- **Hợp đồng ST1 “Củng cố chức năng, sắp xếp và cải tiến quy trình nghiệp vụ của NHNN và CIC”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Báo cáo đánh giá cuối cùng của Dự án	10/2017	- Nhân lực: Tư vấn EY, Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Báo cáo hoàn thành công việc của Tư vấn	11/2017	

- **Hợp đồng ST3 “Tư vấn quản lý và điều phối các gói thầu CNTT”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Tư vấn thực hiện chuyển công tác lần 3 để kiểm chứng và xác thực hệ thống ICT thuộc hợp đồng SG4, SG3.2 (hệ thống Quản trị nhân sự) và đệ trình các báo cáo kiểm tra cho 2 hệ thống trên	10/2017	- Nhân lực: Tư vấn Leading Associates; Tổ triển khai ST3; SG3.2; nhà thầu và các đơn vị liên quan Hợp đồng SG4 - Vốn IDA
2.	Hoàn thành nghiệm thu: - Chiến lược an ninh thông tin; - Báo cáo kết thúc hợp đồng.	12/2017	- Nhân lực: Tư vấn Leading Associates; Tổ triển khai ST3; - Vốn IDA

³ Đây là các sửa, bổ sung nằm ngoài phạm vi Hợp đồng SG4 và được nhà thầu cam kết hỗ trợ NHNN trong Quý I/2017.

- **Hợp đồng ST6.2 “Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính dự án – giai đoạn 2”**

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Kiểm toán báo cáo tài chính dự án năm tài chính 2016	30/6/2017	- Nhân lực: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và Ban QLDA; - Vốn IDA

- **Hợp đồng ST9 “Tư vấn thiết kế và giám sát triển khai Trung tâm dữ liệu mới của NHNN”**

TT	Sản phẩm	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Báo cáo giám sát di dời	3/2017	- Nhân lực: Tư vấn IBM; Cục CNTT; Ban QLDA. - Vốn IDA
2.	Báo cáo hoàn thành	3/2017	

2.1.3. Các hoạt động nghiên cứu trung hạn

a. Vụ Dự báo thống kê tiếp tục triển khai chương trình nghiên cứu “Dự báo lạm phát tại Việt Nam” được phê duyệt tại Quyết định số 1518/QĐ-NHNN ngày 08/7/2013;

b. Sở Giao dịch: tiếp tục đề xuất triển khai chương trình nghiên cứu “Rủi ro lây lan trên thị trường liên ngân hàng tại Việt Nam” tại Quyết định số 1518/QĐ-NHNN ngày 08/7/2013.

2.2. Nhóm hợp phần BHTG:

Trong năm 2017, BHTG sẽ triển khai giai đoạn bảo hành và tinh chỉnh, đánh giá hệ thống DG1, cụ thể như sau:

TT	Công việc	Thời hạn	Nguồn lực
1.	Tinh chỉnh hệ thống	9/2017	- Ban TKDA; - Nhà thầu.
2.	Bảo hành hệ thống	10/2017	

2.3. KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN NĂM 2017

1. Nguồn vốn ODA (Chi Hành chính sự nghiệp)

Hợp phần		USD	Quy đổi triệu VNĐ
I	Hợp phần SBV & CIC	8.767.817,19	194.567
	Dịch vụ tư vấn	711.406,36	15.787
	Hợp đồng ST1	221.320,00	
	Hợp đồng ST6.2	32.401,32	
	Hợp đồng ST3	195.846,45	

	Hợp đồng ST9	261.838,59	
	Hàng hóa	8.056.410,83	178.780
	Hợp đồng SG3.1	2.674.849,51	
	Hợp đồng SG3.2	1.237.893,17	
	Hợp đồng SG4	1.034.430,68	
	Hợp đồng SG1.2	3.109.237,47	
II	DIV	6.457.621,32	143.301
	Dịch vụ tư vấn	409.537,33	9.088
	Hợp đồng DT1	291.284,54	
	Hợp đồng DT3	118.252,79	
	Hàng hóa	5.996.765,24	133.074
	Hợp đồng DG1	5.996.765,24	
	Đào tạo, khảo sát	51.318,75	1.139
	Tổng cộng	15.225.438,51	337.868

Quy đổi ra triệu VNĐ theo tỷ giá NHNN công bố ngày 23/01/2017: 1 USD = 22.191 VNĐ.

2. Nguồn vốn đối ứng (Chủ dự án tự bố trí)

Hợp phần	Số tiền (USD)	Số tiền (triệu VNĐ)
Hợp phần NHNN và CIC	87.431	1.940
2. Chi phí quản lý	87.431	1.940
Hợp phần BTHG	29.433	653
2. Chi phí quản lý	29.433	653
Tổng cộng:	116.864	2.593

Lũy kế vốn đối ứng từ đầu dự án đến hết 31/12/2017 là 3.667.511 USD, đạt 33,34% tổng vốn đối ứng đã được phê duyệt (11.000.000 USD).

1. Đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi (vốn nước ngoài): Giá trị giải ngân vốn nước ngoài ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra "Triệu VNĐ" theo tỷ giá hiện hành do Ngân hàng nhà nước công bố và phân theo tính chất chi (xây dựng cơ bản (XD CB), hành chính sự nghiệp (HCSN), hỗ trợ ngân sách (HTNS), cho vay lại (CVL)).

2. Đối với nguồn vốn đối ứng: Giá trị giải ngân ghi theo "Triệu VNĐ" và phân theo nguồn vốn (cân đối từ ngân sách Trung ương, cân đối từ ngân sách địa phương, chủ dự án tự bố trí, huy động các nguồn vốn khác).

VII. Biểu kế hoạch thực hiện và phân bổ vốn của chương trình, dự án năm 2017 nêu tại Phụ đính HN 2.2.



Ngày tháng năm: 15/07/2015
Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Bảo tồn và Phát triển Thiên nhiên

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo tồn và phát triển thiên nhiên năm 2015, được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 100/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

STT	Tên công trình, dự án, chương trình, dự án	Mã số công trình, dự án, chương trình, dự án	Loại hình công trình, dự án, chương trình, dự án	Chỉ tiêu đánh giá chất lượng công trình, dự án, chương trình, dự án				Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công trình, dự án, chương trình, dự án				Chỉ tiêu đánh giá tác động công trình, dự án, chương trình, dự án				Chỉ tiêu đánh giá bền vững công trình, dự án, chương trình, dự án			
				Điểm số				Điểm số				Điểm số				Điểm số			
				1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
1	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
2	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
3	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
4	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
5	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
6	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
7	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
8	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
9	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
10	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
11	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
12	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
13	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
14	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
15	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
16	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
17	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
18	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
19	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
20	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
21	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
22	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
23	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
24	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
25	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
26	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
27	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
28	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
29	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
30	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
31	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
32	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
33	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
34	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
35	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
36	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
37	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
38	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
39	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
40	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
41	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
42	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
43	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
44	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
45	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
46	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
47	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
48	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
49	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
50	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
51	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
52	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
53	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
54	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
55	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
56	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
57	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
58	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
59	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
60	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
61	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
62	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
63	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
64	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
65	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
66	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
67	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
68	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
69	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
70	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
71	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
72	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
73	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
74	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
75	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
76	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
77	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
78	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
79	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
80	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
81	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
82	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
83	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
84	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
85	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
86	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
87	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
88	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
89	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
90	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
91	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
92	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
93	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
94	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
95	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
96	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
97	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
98	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
99	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		
100	Chương trình, dự án, chương trình, dự án																		

1. Mục đích, ý nghĩa của công trình, dự án, chương trình, dự án
2. Nội dung, phạm vi, đối tượng của công trình, dự án, chương trình, dự án
3. Thời gian, địa điểm, điều kiện thực hiện công trình, dự án, chương trình, dự án
4. Nguồn lực, kinh phí, nhân lực thực hiện công trình, dự án, chương trình, dự án
5. Kết quả, tác động của công trình, dự án, chương trình, dự án
6. Bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị